



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH**  
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

|                                                    |                                                 |                                              |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN17110746<br>MM17112342 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><i>TEST REPORT</i> | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 21/12/2017 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**  
 Địa chỉ/ *Address* : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **PHÔ MAI UỐNG HƯƠNG VANI - SUSU (KÝ HIỆU: V-PM-12)**  
 Số lượng/ *Quantity* : **1**  
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : **Dạng lỏng, màu trắng, hương vani.**  
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **10/11/2017**  
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : **18/11/2017**

| STT/<br><i>No</i> | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br><i>Parameters</i> | Đơn vị tính/<br><i>Unit</i> | Kết quả/ <i>Result</i> | Phương pháp/<br><i>Test method</i> |
|-------------------|--------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------------|
| 1                 | Nội độc tố của Staphylococcus              | /25g                        | Không phát hiện        | ELISA                              |
| 2                 | Enterobacteriaceae                         | CFU/g                       | < 10                   | ISO 21528-2:2004 (*)               |
| 3                 | Escherichia coli                           | CFU/g                       | < 10                   | ISO 16649-2:2001 (*)               |
| 4                 | Listeria monocytogenes                     | CFU/g                       | < 10                   | ISO 11290-2:1998/Amd.1:2004 (*)    |
| 5                 | Salmonella spp.                            | /25g                        | Không phát hiện        | TCVN 8342:2010 (*)                 |
| 6                 | Staphylococci Coagulase dương tính         | CFU/g                       | < 10                   | ISO 6888-1:1999/Amd.1:2003 (*)     |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./  
*According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm/  
 Officer in charge of laboratory**

**Th.S. Huỳnh Yên Hà**

**GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR**

**TS. Chu Văn Hải**

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM  
*This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.*

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH  
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
 ☎ 18001105  
 ☎ (84.28) 3911 7216  
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
 F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
 ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
 ☎ (84.292) 3918 219  
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
 ☎ (84.258) 3811 808  
 ☎ (84.258) 3811 809  
 ✉ vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH**  
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code  
 BN17110746  
 MM17112342

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST REPORT

BMNM 02/3 - LBH 03  
 Ngày/Date : 21/12/2017

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**  
 Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
 Tên mẫu/ Name of sample : **PHÔ MAI UỐNG HƯƠNG VANI - SUSU (KÝ HIỆU: V-PM-12)**  
 Số lượng/ Quantity : **1**  
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, màu trắng, hương vani**  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **10/11/2017**  
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **18/11/2017**

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                | Phương pháp/<br>Test method           |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|---------------------------------------|
| 1          | Antimon (Sb)                        | mg/Kg                | Không phát hiện,<br>MDL=0,01   | Ref. AOAC 986.15                      |
| 2          | Arsen (As)                          | mg/Kg                | Không phát hiện,<br>MDL=0,01   | AOAC 986.15(*)                        |
| 3          | Cadimi (Cd)                         | mg/Kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,02 | CASE.TN.0018 (Ref.<br>AOAC 999.11)(*) |
| 4          | Chì (Pb)                            | mg/Kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,02 | CASE.TN.0018 (Ref.<br>AOAC 999.11)(*) |
| 5          | Thủy ngân (Hg)                      | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01 | AOAC 971.21(*)                        |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
 Officer in charge of laboratory

**Trần Đình Hiệp**

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

**TS. Chu Văn Hải**

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM.

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH  
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
 ☎ 18001105  
 ☎ (84.28) 3911 7216  
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
 F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
 ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
 ☎ (84.292) 3918 219  
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
 ☎ (84.258) 3811 808  
 ☎ (84.258) 3811 809  
 ✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH**  
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

|                                                    |                                                 |                                              |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN17110746<br>MM17112342 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><i>TEST REPORT</i> | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 21/12/2017 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**  
 Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
 Tên mẫu/ Name of sample : **PHÔ MAI UỐNG HƯƠNG VANI - SUSU (KÝ HIỆU: V-PM-12)**  
 Số lượng/ Quantity : **1**  
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, màu trắng, hương vani**  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **10/11/2017**  
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **18/11/2017**

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result               | Phương pháp/<br>Test method                |
|------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|
| 1          | Aflatoxin M <sub>1</sub>            | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | CASE.SK.0033<br>(HPLC_Ref. AOAC 986.16)(*) |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory

**Trần Đình Hiệp**

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



**TS. Chu Vân Hải**

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH**  
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code  
 BN17110746  
 MM17112342

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03  
 Ngày/Date : 21/12/2017

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**  
 Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
 Tên mẫu/ Name of sample : **PHÔ MAI UỐNG HƯƠNG VANI - SUSU (KÝ HIỆU: V-PM-12)**  
 Số lượng/ Quantity : **1**  
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, màu trắng, hương vani.**  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **10/11/2017**  
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **18/11/2017**

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result              | Phương pháp/<br>Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------|-----------------------------|
| 1          | Melamine                            | mg/Kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,1 | CASE.SK.0023<br>(GC/MS/MS)  |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/  
 Officer in charge of laboratory**

**Trần Đình Hiệp**

**GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR**

**TS. Chu Văn Hải**

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM  
 This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH  
 ☎ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
 ☎ 18001105  
 ☎ (84.28) 3911 7216  
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
 ☎ F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
 ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
 ☎ (84.292) 3918 219  
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
 ☎ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
 ☎ (84.258) 3811 808  
 ☎ (84.258) 3811 809  
 ✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH**  
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

|                                                    |                                          |                                              |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN17110746<br>MM17112342 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br>TEST REPORT | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 21/12/2017 |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**  
 Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
 Tên mẫu/ Name of sample : **PHÔ MAI UỐNG HƯƠNG VANI - SUSU (KÝ HIỆU: V-PM-12)**  
 Số lượng/ Quantity : **1**  
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, màu trắng, hương vani.**  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **10/11/2017**  
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **18/11/2017**

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result               | Phương pháp/<br>Test method                                                                                           |
|------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Alpha - cypermethrin                | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                         |
| 2          | Benzyl penicillin                   | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 4    | LC/MS/MS_Ref.<br>Analytica Chimica<br>Acta 520 (2004) 19-<br>32; Journal of<br>Chromatography A,<br>1177 (2008) 58-76 |
| 3          | Ceftiofur                           | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 50   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 4          | Chlortetracycline                   | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20   | LC/MS/MS-Journal<br>of Chro. A, 1177<br>(2008) 58-76 -<br>Journal of Chro B,<br>857 (2007) 142-148                    |
| 5          | Clenbuterol                         | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,05 | CASE.SK.0078-<br>LC/MS/MS                                                                                             |
| 6          | Cyfluthrin                          | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                         |
| 7          | Cyhalothrin                         | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                         |

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM  
 This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH  
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
 18001105  
 (84.28) 3911 7216  
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
 F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
 (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
 (84.292) 3918 219  
 support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
 (84.258) 3811 808  
 (84.258) 3811 809  
 vanphongmienntrung@case.vn

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result              | Phương pháp/<br>Test method                                                                                           |
|------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8          | Cypermethrin                        | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                         |
| 9          | Deltamethrin                        | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                         |
| 10         | Diminazene                          | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 100 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 11         | Doramectin                          | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 12         | Eprinomectin                        | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 13         | Febantel                            | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 14         | Fenbendazole                        | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 15         | Imidocarb                           | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 50  | Journal of<br>Chromatography A,<br>1177 (2008) 58-76;<br>Journal of<br>Chromatography B,<br>857 (2007) 142-148.       |
| 16         | Isometamidium                       | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 100 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 17         | Ivermectin                          | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 18         | Lincomycin                          | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 50  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 19         | Oxfendazole                         | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |
| 20         | Oxytetracycline                     | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20  | Journal of<br>Chromatography A,<br>1177 (2008) 58-76;<br>Journal of<br>Chromatography B,<br>857 (2007) 142-148.       |
| 21         | Procaine benzylpenicillin           | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 4   | LC/MS/MS_Ref.<br>Analytica Chimica<br>Acta 520 (2004) 19-<br>32; Journal of<br>Chromatography A,<br>1177 (2008) 58-76 |
| 22         | Spiramycin                          | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 50  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                        |

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM  
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH  
9/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
☎ 18001105  
☎ (84.28) 3911 7216  
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
9/ F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
☎ (84.292) 3918 219  
✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
9/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
☎ (84.258) 3811 808  
☎ (84.258) 3811 809  
✉ vanphongmienntrung@case.vn

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters   | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result               | Phương pháp/<br>Test method                                                                        |
|------------|---------------------------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23         | Sulfadimidine                         | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                     |
| 24         | Tetracycline                          | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20   | LC/MS/MS-Journal<br>of Chro. A, 1177<br>(2008) 58-76 -<br>Journal of Chro B,<br>857 (2007) 142-148 |
| 25         | Thiabendazole                         | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20   | LC/MS/MS-Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                      |
| 26         | Trichlorfon (Metrifonat)/<br>Dipterex | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 10   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                      |
| 27         | Dihydrostreptomycin                   | µg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 30  | BIOCHIP                                                                                            |
| 28         | Gentamycin                            | µg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 40  | ELISA                                                                                              |
| 29         | Neomycine                             | µg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 10  | BIOCHIP                                                                                            |
| 30         | Pirlimycin                            | µg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 100 | ELISA                                                                                              |
| 31         | Spectinomycine                        | µg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 40  | BIOCHIP                                                                                            |
| 32         | Streptomycin                          | µg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 30  | BIOCHIP                                                                                            |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory**



**Trần Đình Hiệp**

**GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR**



**TS. Chu Văn Hải**



1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hủy toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP: HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH  
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
[☎] (84.8) 3829 6113 - 3829 1744  
[☎] (84.8) 3911 5119  
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
[☎] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
[☎] (84.710) 3918216 - 217 - 218  
[☎] (84.710) 3918219  
[✉] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
[☎] 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
[☎] (84.58) 3811 808  
[☎] (84.58) 3811 809  
[✉] kinhdoanh1@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

|                                                    |                                                 |                                              |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Mã số mẫu/ Sample Code<br>BN17110746<br>MM17112342 | <b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | BMNM 02/3 – LBH 03<br>Ngày/Date : 21/12/2017 |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|

Tên khách hàng/ *Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK

Địa chỉ/ *Address* : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu/ *Name of sample* : PHÔ MAI UỐNG HƯƠNG VANI - SUSU (KÝ HIỆU: V-PM-12)

Số lượng/ *Quantity* : 1

Tình trạng mẫu/ *Sample description* : Dạng lỏng, màu trắng, hương vani

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 10/11/2017

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 22/11/2017

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ <i>Result</i>         | Phương pháp/<br>Test method    |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| 1          | 2,4 - D                             | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 2          | Abamectin                           | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,005 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 3          | Acephate                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 4          | Aldicarb                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 5          | Aldrin và Dieldrin                  | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,006 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 6          | Amitraz                             | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 7          | Bentazone                           | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 8          | Bifenazate                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 9          | Bifenthrin                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 10         | Bitertanol                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 11         | Carbaryl                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này; 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

## TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
☎ 18001105  
☎ (84.28) 3911 7216  
✉ casehcm@case.vn

## CN CẦN THƠ

F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
☎ (84.292) 3918 219  
✉ support@case.com.vn

## VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
☎ (84.258) 3811 808  
☎ (84.258) 3811 809  
✉ vanphongmienntrung@case.vn

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                 | Phương pháp/<br>Test method                       |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------|
| 12         | Carbendazim                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                    |
| 13         | Carbofuran                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                    |
| 14         | Carbosulfan                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 15         | Chlordane                           | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,002  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 16         | Chlorpropham                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,0005 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 17         | Chlorpyrifos                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 18         | Chlorpyrifos-methyl                 | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 19         | Clethodim                           | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                    |
| 20         | Clofentezine                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                    |
| 21         | Cyhexatin                           | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,05   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                    |
| 22         | Cyprodinil                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,0004 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 23         | Cyromazine                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS-<br>Ref.Analytica Acta<br>(2005) 237-243 |
| 24         | DDT                                 | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 25         | Diazinon                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 26         | Dichlorvos                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 27         | Dicofol                             | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 28         | Difenoconazole                      | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,005  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 29         | Diiflubenzuron                      | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 30         | Dimethipin                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |
| 31         | Dimethoate                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                     |

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM  
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH  
 (V) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM  
 (T) 18001105  
 (S) (84.28) 3911 7216  
 (E) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ  
 (V) F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ  
 (T) (84.292) 3918 216 - 217 - 218  
 (S) (84.292) 3918 219  
 (E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG  
 (V) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa  
 (T) (84.258) 3811 808  
 (S) (84.258) 3811 809  
 (E) vanphongmienntrung@case.vn

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                 | Phương pháp/<br>Test method                                                                                    |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32         | Dimethomorph                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 33         | Diphenylamine                       | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,0004 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 34         | Diquat                              | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LCMS/MS-<br>Preparation Method<br>for the<br>Determination of<br>Paraquat and Diquat<br>in Food<br>Commodities |
| 35         | Disulfoton                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 36         | Endosulfan                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,004  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 37         | Ethephon                            | mg/L                 | Không phát hiện<br>MDL = 0,05   | TCVN 8668:2011                                                                                                 |
| 38         | Ethoprosfos                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 39         | Fenamiphos                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,005  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 40         | Fenbendazole                        | µg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 20     | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 41         | Fenbutatin oxide                    | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,05   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 42         | Fenhexamid                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 43         | Fenpropathrin                       | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 44         | Fenpropimorph                       | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 45         | Fenpyroximate                       | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,005  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 46         | Fenvalerat                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 47         | Fipronil                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,001  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 48         | Fludioxonil                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 49         | Flumethrin                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01   | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

#### TRỤ SỞ CHÍNH

(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) (84.8) 3829 6113 - 3829 1744

(☎) (84.8) 3911 5119

(✉) casehcm@case.vn

#### CN CẦN THƠ

(☎) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.710) 3918216 - 217 - 218

(☎) (84.710) 3918219

(✉) support@case.com.vn

#### VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(☎) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.58) 3811 808

(☎) (84.58) 3811 809

(✉) kinhdoanh1@case.vn

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                | Phương pháp/<br>Test method                                                                                    |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 50         | Flusilazole                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 51         | Flutolanil                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 52         | Heptachlor                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,006 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 53         | Imidacloprid                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 54         | Indoxacarb                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 55         | Kresoxim-methyl                     | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 56         | Lindane                             | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 57         | Methamidophos                       | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 58         | Methidathion                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,001 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 59         | Methomyl                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 60         | Methoprene                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 61         | Methoxyfenozide                     | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 62         | Myclobutanil                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 63         | Novaluron                           | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 64         | Oxamyl                              | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01                                                                                 |
| 65         | Paraquat                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,005 | LCMS/MS-<br>Preparation Method<br>for the<br>Determination of<br>Paraquat and Diquat<br>in Food<br>Commodities |
| 66         | Penconazole                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |
| 67         | Permethrin                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01  | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01                                                                                  |

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

**TRỤ SỞ CHÍNH**

19/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ (84.8) 3829 6113 - 3829 1744

☎ (84.8) 3911 5119

✉ casehcm@case.vn

**CN CẦN THƠ**

19/ F267 -F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.710) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.710) 3918219

✉ support@case.com.vn

**VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG**

19/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.58) 3811 808

☎ (84.58) 3811 809

✉ kinhdoanh@case.vn

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result               | Phương pháp/<br>Test method    |
|------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| 68         | Phorate                             | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 69         | Piperonyl butoxide                  | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 70         | Pirimicarb                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 71         | Pirimiphos - methyl                 | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 72         | Prochloraz                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 73         | Profenofos                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 74         | Propamocarb                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 75         | Propargite                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 76         | Propiconazole                       | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 77         | Pyraclostrobin                      | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 78         | Pyrimethanil                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 79         | Quinoxifen                          | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 80         | Spinosad                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 81         | Tebuconazole                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 82         | Tebufenozide                        | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 83         | Terbufos                            | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 84         | Thiacloprid                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | LC/MS/MS -<br>Ref.AOAC 2007.01 |
| 85         | Triadimefon                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 86         | Triadimenol                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 87         | Trifloxystrobin                     | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |
| 88         | Vinclozolin                         | mg/kg                | Không phát hiện<br>MDL = 0,01 | GC/MS/MS_Ref.<br>AOAC 2007.01  |

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

#### TRỤ SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) (84.8) 3829 6113 - 3829 1744

(☎) (84.8) 3911 5119

(✉) casehcm@case.vn

#### CN CẦN THƠ

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.710) 3918216 - 217 - 218

(☎) (84.710) 3918219

(✉) support@case.com.vn

#### VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.58) 3811 808

(☎) (84.58) 3811 809

(✉) kinhdoanh@case.vn

| STT/<br>No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/<br>Parameters | Đơn vị tính/<br>Unit | Kết quả/ Result                 | Phương pháp/<br>Test method                        |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|
| 89         | Aminopyralid                        | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01  | NMKL Method No,<br>195,2013 (**)                   |
| 90         | Chlormequat                         | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01  | Anal Bional<br>Chem.404<br>(2012)2465-<br>2474(**) |
| 91         | Dimethenamid-p                      | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,005 | BS EN 15662 :<br>2008(**)                          |
| 92         | Dithiocarbamate                     | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,01  | GC/MS                                              |
| 93         | Gluphosinate- ammonium              | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,02  | J. AOAC Int. 100<br>(2017) 631 - 639(**)           |
| 94         | Oxydemeton-methyl                   | mg/kg                | Không phát hiện,<br>MDL = 0,005 | BS EN 15662 :<br>2008(**)                          |

(\*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/  
Officer in charge of laboratory**



**Trần Đình Hiệp**

**GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR**



**TS. Chu Văn Hải**

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

(84.8) 3829 6113 - 3829 1744

(84.8) 3911 5119

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 -F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.710) 3918216 - 217 - 218

(84.710) 3918219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.58) 3811 808

(84.58) 3811 809

kinhdoanh1@case.vn